

## Thời cầm súng - cầm bút

Quê tôi mọi dòng sông đều chảy... hai chiều. Nước lớn chảy vô, nước ròng chảy ra. Hai chiều sông - biển giao hoà duyên nợ tự bao giờ, sinh thành một quần thể ba cù lao lớn được đặt tên là tỉnh Bến Tre. Ba cù lao nằm dọc làm bờ sông quê hương, giăng ngang làm bờ biển Tổ quốc. Ngày đêm hai lượt, con nước chảy hai chiều, mở ngày càng rộng những cửa sông mênh mông thông ra biển, tạo cho hệ thống dòng sông Mẹ “Chín Ròng” càng thêm hùng vĩ; cho lòng người càng thêm mến yêu sông! Bắt nguồn tình yêu quê hương, bồi bổ tâm hồn dạt dào cho thêm yêu cha yêu mẹ. Những ngày đi học, thương mẹ goá tảo tần nuôi bè con cô! Mỗi khuya mẹ gánh bún lên chợ bán, có lần té cầu khỉ tưởng chết, gánh cái gánh không lạnh run trở về, ôm con trào nước mắt! Mấy chị lớn lần lượt đi lấy chồng. Chị Hai, chồng làm quân báo, lấy bót, bị địch truy bắt, tra khảo rồi khoét mắt, mổ bụng quăng xác xuống chân cầu. Nước lớn chảy vô, nước ròng chảy ra nhưng linh thiêng gì mà xác anh rể tôi không trôi, vật vờ chờ đêm sau chị tôi bơi xuống vô vớt đem về chôn bên bờ sông Mỏ Cày. Nước mắt nỗi đau của chị chảy vào trái tim em, coi như hành trang đi kháng chiến, giao mẹ già chị nuôi. Lại nuốt nước mắt chia ly vào lòng mà lòng hăm hở xông pha gian nan nhẹ như không cũng lạ lùng! Cố nhiên tình mẹ vẫn vương trên khắp nẻo chiến trường. Hồn đa mang những hình ảnh mỗi chiều con nước ròng, đường đi ngập lội, mỗi chiều mưa gió lạnh, cầu trơn, mẹ già lần dò gậy tre đón con đi học về... Ôi! Tình mẹ chan hoà những dòng sông, ngấm vào giọng hò, vào lời ru con, vào hồn thơ cho tôi viết những dòng đầu tiên:

Gạo chợ nước sông từng buổi học

Run run mẹ gánh bóng trời chiều

Rồi những chặng hành quân, những đêm liên hoan văn nghệ, tôi ngâm thơ cho đồng đội nghe, bắt bèn hò Bến Tre học lóm dân gian. Ngờ đâu cầm súng làm “văn nghệ chân đất”, tôi thành nhu cầu giúp vui cho đơn vị mà khiến xui vướng vô cái nghiệp cầm bút! Tôi mang danh “cây hò Bến Tre” ưu ái của đồng đội, đi từ Nam ra Bắc, sung sướng được làm hương vị địa phương mà đồng đội đem khoe “cây nhà lá vườn” với đơn vị bạn, hoặc những cuộc hội diễn văn nghệ quần chúng. Cứ thế, làm niềm vui đồng đội, tôi trở thành bạn viết của Văn nghệ Quân đội (VNQĐ), mon men bước vào ngưỡng cửa văn chương. Là bạn viết, nhờ viết nhiều mà đăng thì ít. Đến năm 1960 được đăng cái truyện ngắn đầu tay ở báo Văn học. Bất ngờ Tổng cục Chính trị quân đội gọi tôi từ Sư đoàn 330 về cho học lớp bồi túc cán bộ tuyên huấn. Từ chế độ ăn, đến chương trình học, chúng tôi nhận ra lãnh đạo trang bị cho mình khá bài bản để rồi sẽ giao nhiệm vụ đặc biệt gì. Sau khi mãn lớp tuyên huấn, số anh em bạn viết chúng tôi (trong đó có Thu Bồn) được đưa về ngôi nhà số 4 Lý Nam Đế, để “bồi dưỡng” kinh nghiệm viết văn, làm báo với các anh nhà văn quân đội. Xong phần nghiệp vụ, Chủ nhiệm tạp chí VNQĐ Văn Phác “làm công tác tư tưởng” chúng tôi về ý chí và vai trò, trách nhiệm đối với chiến trường miền Nam đang yêu cầu. Đây là một kỉ niệm có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đời văn

nghiệp của mình.

Tháng 8-1962, tại khu rừng Bời Lời, tạp chí Văn nghệ Giải phóng quân số đầu tiên chào đời, rập khuôn gần y chang tạp chí VNQĐ. Với số lượng 2.000 cuốn, phát hành đến bộ đội Miền.

Đang chuẩn bị ra số 2, nhà văn Nguyễn Ngọc Tấn từ VNQĐ về tới! Trên cơ sở viên gạch đầu tiên, Tấn như “cây cột cái”, gom “bộ tam” cùng Võ Trần Nhã và Thanh Giang, hình thành “toà soạn” tạp chí Văn nghệ, mang phiên hiệu A.6, cất mái nhà ra riêng. Vừa lúc, Nguyễn Công Lập - nhà in, gom “bộ tứ” (từng đi in nhò), cùng với số tân binh nữ từ đồng bằng lên, thành lập nhà in Quân giải phóng. ấn phẩm đầu tiên của nhà in là tạp chí VNQGP số 2. Có nhà in, Bộ tư lệnh Miền quyết định ra tờ báo Quân Giải Phóng...

Bài viết trong VNQGP số 2, Nguyễn Ngọc Tấn lần đầu ký bút danh Nguyễn Thi, tức tên con trai của anh. Tạp chí số 2 lên trang vừa xong, chiến thắng ấp Bắc nổ ra. Tấn cho bổ sung nội dung, bảo: Làm báo là phải nhảy cao, đá lẹ. Nghe tin giao ban, Nhã viết ký: Lá thư ấp Bắc, Thanh Giang làm thơ, Tấn vẽ bìa, viết tùy bút... Tạp chí số 2 in xong, Tấn và Nhã lập tức đi chiến trường ấp Bắc, rồi vượt lộ 4, thâm nhập vùng Long Trung, Ba Dừa. Thanh Giang “thủ trại”: Lo bài cho số tới, lo chống càn, xây cứ, tải gạo, sản xuất... Cho nên tâm trạng anh nào cũng muốn đi chiến trường để có vốn sống mà viết. Biết rằng đi chiến trường là chuyện sinh tử. Nhưng đi chiến trường về, cũng đâu được ngồi viết thoải mái; phải hăm bà lằng sự vụ thay cho người khác đi. Bờ vạy lắm khi viết tại trận, dù còn “sống sót” cũng phục vụ được kịp thời. Còn đầu tư cho tác phẩm chiều sâu thì tranh thủ viết thâu đêm; che mắt máy bay, viết dưới ánh đèn ống tre khoét lỗ lọt sáng ra vừa trang giấy...

Về cùng với Tấn có họa sĩ Huỳnh Công Thu - Đại học Mỹ thuật Hà Nội; dọc đường bị sốt rét, nên cuối 1963 anh mới về tới A.6. Có Thu về, Tấn mừng lắm, bởi từ số 2 đến số 6, anh phải phụ với Trần Dũng vẽ bìa, minh họa... Vừa về, Thu vẽ ngay tranh truyện cho số 6, vẽ bìa cho số 7. Tranh bìa này Thu nhờ cô y tá Đào làm mẫu, ghi dấu ấn tài hoa hình tượng người mẹ trẻ ôm chông đi gài dưới trăng treo ngọn dừa, thằng cu con chưa mặc quần chạy theo...

Đầu năm 1964, Tấn dẫn đầu đoàn gồm: Huỳnh Công Thu, Thanh Giang và Trần Nam Hương về chiến trường Bến Tre. Họa sĩ Thu vừa dứt sốt rét Trường Sơn, người ốm nhom, mang cái ba lô “xưởng họa” nặng trĩch, còn vác thêm cuộn giấy to. Đêm đi, ngày ém; vượt “Đồng chó ngáp” chân sưng vù trong dép râu. Đến Kiến Tường - Đồng Tháp, đụng địch càn, Thanh Giang bị thương nằm lại. Đoàn đi đến kinh Nguyễn Văn Tiếp, bị trực thăng Mỹ bắn, họa sĩ Huỳnh Công Thu hy sinh! Mang “xưởng họa” nặng nề trên lưng, Thu hăm hở về Bến Tre quê hương đồng khởi quê anh, hầu thoả sức “đại bàng tung cánh”.

Sau đó A.6. từ bộ tam đông dần lên: Minh Khoa, phòng Cán bộ đưa qua, vừa viết, vừa phụ trách A.6, để Tấn rảnh rang sáng tác; Trúc Chi, tức đại úy Huỳnh Đoàn Hùng, Chính trị viên Đoàn văn công Quân giải phóng, đòi về A.6. viết văn. Lại có thêm Hoá khắc gỗ, thay Bé Nghiệp

hy sinh. Rồi họa sĩ Huỳnh Phương Đông bên C.51 biệt phái. Sau có nữ họa sĩ Hồng Xuân, Đại học Mỹ thuật Hà Nội về.

Khoảng năm 1966 đồng chí Văn Phác (nguyên Chủ nhiệm tạp chí VNQĐ) về phụ trách Cục phó Cục Chính trị Miền, đã chỉ đạo A.6. phát động cuộc thi viết lấy tên: “Viết về cuộc sống và chiến đấu của chúng ta”. Sau Mậu Thân đổi đề tài là: “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”. Tham gia viết cho tạp chí ngoài thủ trưởng Văn Phác với bút danh Trần Hương Nam, còn có Chính uỷ Trần Độ với bút danh Cửu Long. Cuộc thi viết thành phong trào, bài vở gửi về ngày càng nhiều.

Hiệu quả hoạt động, xuất hiện dần một “đội ngũ” cầm bút trẻ từ các đơn vị cầm súng. Ngoài ra còn liên hệ các quân khu và trung đoàn ra tập san Văn nghệ phục vụ đơn vị như tờ Chiến thắng của T1 (Khu 7), với những cây bút bạn viết của VNQGP như Trường Thắng, Huỳnh Anh Tuyên...; Tờ Truyền thống của trung đoàn Q.762 có Sơn Thu, Hữu Hiệp...

Tạp chí VNQGP dù ít người, vẫn thay nhau đi chiến trường, coi là nghĩa cử quan tâm lẫn nhau. Qua những chuyến đi, Tấn viết ký sự: Những sự tích ở đất thép. Thanh Giang theo các chiến dịch: Bình Giã, Bàu Bàng... làm thơ và viết bút ký phục vụ kịp thời. Kế tiếp, A.6. tập trung dự Đại hội Anh hùng toàn Miền lần thứ hai. Tấn viết về Nguyễn Thị Hạnh: Ước mơ của đất. Trúc Chi viết về Phạm Văn Hai: Anh hùng đánh kho bom Phú Thọ Hoà. Thanh Giang viết về Tạ Quang Tỹ: Tuổi xanh và lửa đỏ... Các nhà văn C.51: Anh Đức viết về Nguyễn Văn Quang: Con của đất; Viễn Phương viết về Tô Văn Đức: Anh hùng mìn gạt; Đình Phong viết về Nguyễn Đức Nghĩa: Anh hùng “Ba sẵn sàng”... Cuối 1967, VNQĐ tăng cường nhà văn Nguyễn Trọng Oánh vào. Tấn mừng lắm, mua trà thuốc ra binh trạm đón về. Sau cuộc học tập tình hình nhiệm vụ, nhận thức lịch sử sắp diễn ra sự kiện trọng đại, A.6. náo nức “xuống đường”. Minh Khoa về sở chỉ huy tiền phương. Trọng Oánh và Thanh Giang theo trung đoàn 16. Trúc Chi đi với trung đoàn 2 chủ lực Miền. Võ Trần Nhã thường trú dài hạn ở Khu 8. Trần Mậu Thân nổ ra, Thanh Giang chuyển qua trung đoàn Quyết Thắng, cùng với nhà báo Phú Bằng theo tiểu đoàn 2 Gò Môn, biệt danh “Rái nước”. Sau khi đơn vị phối hợp với trung đoàn 16 tấn công cổng số 4 Bộ tổng tham mưu địch và diệt căn cứ Cổ Loa (pháo binh), đánh thiệt hại nặng căn cứ Phù Đồng (thiết giáp), lùi ra bám trụ vùng Xóm Mới, Voi Lớn, Voi Nhỏ - Gò Vấp, chống phản kích. Bộ đội nổ súng ngoài tiền tiêu, hai nhà báo vào xóm dân “thăm hỏi”. Phần đông là dân di cư, có người phản ứng hằn học: ...Chúng ông đã chạy cộng sản ngoài Bắc vô đây rồi mà còn theo... Phú Bằng bèn bắc cái bàn ra sân lên đứng “diễn thuyết” với lời lẽ thấu tình đạt lý. Nhà báo cũng làm một mũi chính trị giáp công cùng quân sự khá hiệu quả. Dân nghe ra, bớt căng thẳng, giúp đỡ bộ đội. Sau đó đơn vị lùi ra trụ ở Thạnh Lộc - An Phú Đông: Giải phóng đồn bót, giữ địa bàn, chịu đựng bom đạn ác liệt dài ngày. Tại đây, tiểu đoàn 2 và tiểu đoàn 1, tập trung tay súng được 2 đại đội thiếu, phục kích tại Cầu Đụng, đánh thiệt hại nặng tiểu đoàn Mỹ - sư 25 - Tia chớp nhiệt đới về cứu nguy cho Sài Gòn... Bị thua đau, quân Mỹ phản ứng nhanh lẹ, bom đạn chi tới đa, liên tục suốt ngày đêm. Cái

chết diễn ra nháy mắt! Phú Bằng nói: “Chiến sĩ hy sinh là hoàn thành nhiệm vụ; mình chết, nhiệm vụ không hoàn thành!” Nóng nướng vậy nên chúng tôi thấp đèn cây trong căn hầm nổi, ngồi khòm lưng viết bài; gần như bất chấp đạn pháo nổ ầm ùng bên ngoài, hầm chao như đưa võng. Phú Bằng viết tiếp: “Tiếng gọi ngày N”. Thanh Giang viết về một chiến sĩ mới trận đầu đánh Mỹ. Một trái đạn pháo rơi trúng nóc hầm. Trong hầm ba người chết. Phú Bằng bị thương gục lên đùi Thanh Giang. Cả hai cùng bị thương. Vết thương đổ máu lên trang viết giữa chừng. Tiếng gọi ngày N. của Phú Bằng và Người chiến sĩ mới Sài Gòn của Thanh Giang sau gởi về được báo, đài cả hai miền sử dụng. Phú Bằng bị thương lần thứ hai, gãy xương đùi mới chịu lùi ra rồi được chuyển ra Bắc điều dưỡng...

Riêng Nguyễn Ngọc Tấn viết dở dang: Ước mơ của đất, thủ trường không cho đi. Nhưng viết xong phần một, anh xếp lại, đi đợt hai, theo Đoàn 10, chiến đấu trên đường Minh Phụng suốt 5 ngày đêm. Khi lùi ra đến ngã ba Tham Lương, chống địch truy kích, Nguyễn Ngọc Tấn hy sinh! Tháng 4-1968, Nguyễn Trọng Oánh và Thanh Giang về tới cơ quan bấy giờ mới được tin dữ từ phân khu 2 điện về: Nguyễn Ngọc Tấn hy sinh! Thế là sau Mậu Thân 1968, A.6. hy sinh bốn người: Hoà sĩ Thu, Bé Nghiệp, Trúc Chi và Nguyễn Ngọc Tấn! Còn Thanh Giang và Võ Trần Nhã bị thương. Biết đạn bom sẽ hủy diệt, Oánh và Giang soạn trong hai thùng thiếc tư liệu của Tấn, chọn hằng chục tập ghi chép chữ lít nhít, trong đó có bản thảo 3 chương tiểu thuyết ở xã Trung Nghĩa, truyện anh hùng Ước mơ của đất (phần một), 2 truyện ký: Cô gái đất Ba Dừa và Sen trong đồng... đóng thành hai gói to, chuyển ra Hà Nội cho VNQĐ. Đó là phần lớn nội dung sau làm Tuyển tập Nguyễn Ngọc Tấn; in thành 4 cuốn, tổng cộng hơn 2.600 trang, nhà xuất bản Văn học ấn hành năm 1996. Nguyễn Ngọc Tấn còn gắn bó kỉ niệm với A.6 từ những ngày đầu làm tạp chí vừa góp phần xây dựng nhà in, rồi những tháng ngày đi chiến trường cùng sống chết; đậm đà tình nghĩa hơn như chuyển về Bến Tre, anh tác thành hạnh phúc cho Thanh Giang; chuyển về Mỹ Tho, lo cưới vợ cho Võ Trần Nhã. Cuộc đời anh tình duyên éo le, nên hết lòng chăm lo tình duyên đồng đội. Anh lưu lại trong lòng người một nhân cách cao quý, cùng những tác phẩm văn học sắc sảo; lưu lại tên đường Nguyễn Thi - ở quận 5 - Tp. Hồ Chí Minh.

Sau đợt hai Mậu Thân, còn tiếp tục tiến công vào Sài Gòn gọi là “đợt đệm”. Thanh Giang theo các đơn vị biệt động mà chỉ lần quần ở vùng Sông Queo, Bò Húc, Bó Bà tây... bám với anh hùng Nguyễn Văn Tăng, Tư lệnh phó Tư Chu và một vài nhân vật từ nội thành đột ra. Tuy nhiên, càng có điều kiện ghi nhận khá chi tiết chiến công của các đơn vị biệt động. Mở màn cho trận tập kích chiến lược lịch sử, lực lượng biệt động Sài Gòn hầu như “dốc sạch túi” và đã trả giá cực kỳ đắt để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ vượt thời gian quy định với các mục tiêu quan trọng như: Toà đại sứ Mỹ, Dinh Độc Lập, Đài Phát thanh Sài Gòn...; cùng những chiến công trước đó nữa. Nguồn xúc cảm vài chuyển đi này, cộng sau hiệp định Paris gặp lại những chiến sĩ biệt động được trao trả, Thanh Giang đã viết một số bút ký, truyện ngắn:

Giữa lòng thành phố, Trận tấn công Toà đại sứ Mỹ, Vị tướng tiền phương, Cô biệt động, Tiếng hát trong nhà giam, Biệt động Sài Gòn trong Mậu Thân, Một thời xuân Nguyễn Thi nhà văn - chiến sĩ...

\*

Mái nhà A.6. ngày một thêm đông bạn viết từ các đơn vị về, “nở nòi” thành hai cụm nhà, chia hai bộ phận. Bộ phận “vòng trong” là khung tạp chí, bộ phận “vòng ngoài” là trại viết. Khá nhiều trại viên triển vọng như: Phùng Khắc Bắc, Thái Vương, Lê Văn Vọng, Xuân An, Trùng Khánh (hy sinh), Hào Vũ, Nguyễn Nam, Nguyễn Ngọc Mộc, Hoàng Đình Quang, Vũ Hoà... Thời gian này ở Miền còn diễn ra Đại hội Anh hùng lần nữa. Ngoài những người viết của quân đội quen biết như: Cửu Long với tuý bút dài: Anh hùng và chân lý; Xuân Huy viết về Võ Thị Huỳnh: Trỗi dậy; Thanh Giang viết về Nguyễn Thị Phúc: Ước mơ tuổi trẻ... đặc biệt điều rất vui mừng là Đại hội Anh hùng lần này có thêm các bạn viết trẻ VNQGP như Phùng Khắc Bắc: Một ngày giữ chốt, viết về đại đội 11 - đơn vị Anh hùng GPQ (Sau khi qua đời, Phùng Khắc Bắc được giải thưởng hạng A của Hội Nhà văn Việt Nam: với tập thơ Một chấm xanh). Rồi Vũ Hoà: Một đêm trên bãi nhận hàng viết về tiểu đoàn vận tải 49 - đơn vị Anh hùng; Nguyễn Văn Anh: Người chỉ huy trẻ, viết về chiến sĩ thi đua Phan Trung Thứ; Đức Hậu: Lửa trên vai, viết về Anh hùng Phan Công Nam... và hai trường ca: Những người ở Rừng Sát của Văn Lê, viết về Đội Năm đơn vị Anh hùng và: Đồi mắt trận đánh của Trần Mạnh Hào, viết về Anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn O...

Điểm danh đội ngũ cầm súng - cầm bút như trên hẳn còn thiếu sót nhiều, nếu không kể đến các tác giả của các tập sách, ngoài tập Anh hùng và chân lý, còn tập Phá rào (truyện dự thi được giải), hai tập thơ Thơ chiến sĩ và tập thơ Ngày toàn thắng, ngoài ra còn rất đông cộng tác viên chí cốt của VNQGP từ số đầu tiên đến số 35 cáo chung. Vậy xin kể thêm những tên tuổi hẳn trong hồi ức nhiều người, tiêu biểu như: Viễn Phương, Phùng Đình Cung, Mai Bá Thiện, Đặng Văn Nhưng, Y Phương, Mai Quỳnh Nam, Lam Giang, Thái Thăng Long, Dương Huy, Dương Trọng Chữ, Sơn Thu, Thạch Cương, Thái Dương (Khổng Minh Dự - Bộ CA)... Phần nhiều những tên tuổi trên đây hiện là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam...

Làm sao có thể kể hết một đội ngũ nhà văn một thời cầm súng - cầm bút sinh thành từ mái nhà A.6. mà cây cột cái là Nguyễn Ngọc Tấn - Nguyễn Thi! Kế tục Nguyễn Thi hy sinh là Nguyễn Trọng Oánh - bút danh chiến trường: Nguyễn Thành Vân, cũng là cây cột trụ đến phút mùa thắng lợi! Anh hầu như không bận tâm: Một cấp quân hàm đại úy, “ăn chịu” 9 năm chiến trường gian khổ ác liệt! Nếu Nguyễn Ngọc Tấn tài hoa nổi tiếng với tác phẩm Giải thưởng Hồ Chí Minh, thì Nguyễn Trọng Oánh ngoài tác phẩm khiêm nhường Giải thưởng Nhà nước, đặc biệt còn góp công phát hiện và đào tạo một đội ngũ nhà văn trẻ Quân giải phóng từ những đơn vị cầm súng trưởng thành.

Chiến sĩ mà phóng viên - phóng viên mà chiến sĩ, chúng tôi xông pha các chiến trường bằng đôi chân cuốc bộ sưng vù trong dép râu; từng

đắm mồ hôi, máu và cả sinh mạng trên những nẻo đường lòng danh hoang dã lạnh lùng như: Bà Rá, Bù Đốp, Mã Đà, Bà Rịa, Suối Đá, Đất Cuốc, Sinh, Bà Đả, Bến Súc, Bến Cát, Củ Chi, đồng “chó ngáp”, lộ Bạc Đầu, sông Giã...; từng dự những chiến dịch Bình Giã, Đồng Xoài, Phước Long, Cần Đâm, Bàu Bàng.

\*

Trước khi bước vào Chiến dịch Hồ Chí Minh, cả lực lượng tạp chí và trại viết, chia nhau lao theo các cánh quân... tiến vào Sài Gòn. Trưa ngày 30 tháng 4, Thanh Giang được bố trí đi cùng đội hình Cục Chính trị Miền; hai hôm sau: 1 tháng 5 tiếp quản Tổng cục chiến tranh Chính trị ở số 2 ter Thống Nhất, qua lực lượng của Quân đoàn 2 bàn giao. Thủ trưởng Lê Thế Thuởng bận rộn bên ngoài, giao Thanh Giang canh giữ phòng làm việc của trung tướng Tổng cục trưởng Trần Văn Trung. Trong phòng nổi bật quá nhiều tặng vật của quốc tế: Huân chương, Huy hiệu, cờ, biểu tượng, gươm, kiếm... Nhiều nhất là hình ảnh và sách; trong số này có cuốn Xương trắng Trường Sơn của Xuân Vũ (nhà văn đầu hàng giặc), với lời đề tặng trung tướng rất cung kính, sủng ái. Nhờ canh giữ mà ngăn chặn “lính hồi cửa” ăn quen vô khiêng ra cái tủ sắt. Sau đó toàn thể A.6. gom về Phòng tuyên huấn, tiếp quản Nha tâm lý chiến ở số 2 bis Hồng Thập Tự...

Những ngày vui toàn thắng, tạp chí cùng trại viết quy tụ về đóng cơ quan A.6. tại khu nhà 150 - 158 Trần Hưng Đạo, quận nhất, (sát khách sạn Métropole) được Sư đoàn 7 chia chiến lợi phẩm, cấu trúc hơn 30 phòng lớn nhỏ. Tại khu nhà này, tạp chí VNQGP số 35 ra mắt chào mừng Sài Gòn giải phóng. Đây là số tạp chí từ nội dung phong phú, nóng sốt không khí chiến thắng, đến hình thức bề thế: khổ to, dày 150 trang giấy trắng, in hiện đại; đặc biệt phát hành với số lượng kỷ lục: 50.000 bản. Vào dịp tháng 5, kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ, tạp chí in lại truyện ngắn Vi hành; tiếp theo trích hồi ký của Phó tư lệnh Thiếu Tướng Nguyễn Thị Định. Còn hầu hết có thể kể từ vài tên bài văn xuôi cũng truyền cảm được cho người đọc như: Suốt đường tan hết mây mù của Duy Khán; Vào cửa Tây thành phố của Lam Giang; Mục tiêu An Lộc của Xuân Huy; Về đến Sài Gòn của Võ Trần Nhã; Bận chiến đấu của Trần Ninh Hồ; Nguyễn Thi - nhà văn cầm súng của Thanh Giang; hai truyện ngắn: Sắp sáng của Thái Vượng và Thiêng của Hoàng Đình Quang... Về thơ nhiều bài của các tác giả quen biết như: Nguyễn Trọng Oánh, Thu Bồn, Văn Thảo Nguyên, Văn Lê, Trần Mạnh Hào, Thái Thăng Long, Lê Văn Vọng... Và đặc biệt nhạc sĩ Xuân Hồng tặng VNQGP bản nhạc mới sáng tác còn nóng hổi: Mùa xuân trên Thành phố Hồ Chí Minh!... Đây cũng là số “cáo chung”! Bởi tạp chí số 36 maket xong xuôi thì... vai trò VNQGP kế tục VNQĐ vào sâu chiến trường đã hoàn thành sứ mạng lịch sử. Kèm thêm, VNQGP xuất bản tập thơ mang tên: Ngày toàn thắng.

Thời cầm súng - cầm bút!

Một thời không tiếc tuổi xanh, sống hết mình, viết hết mình vì nghiệp lớn; nghĩ rằng: Chết mà chưa viết được là chưa hoàn thành nhiệm vụ. Cho nên viết bất kể thời gian, bất cần điều kiện; viết dưới ánh đèn hạt

đầu, viết dưới tầm bom đạn, viết trong hầm trú ẩn... và bao lần hầm sập, bị thương, máu nhuộm loang trang viết giữa chừng!... Phải chăng là một biểu trưng: Trả giá máu cho từng trang viết!  
Cho đến nay còn được sống, hạnh phúc biết bao được viết dưới ánh điện hoà bình!

(Báo Văn nghệ)